

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 295/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Tuấn E**, sinh ngày 01/01/1981.

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Chị **Phạm Thị Vũ E1**, sinh ngày 26/5/1982.

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Tuấn E và chị Phạm Thị Vũ E1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Phương T1, sinh ngày 01/4/2011 và Bùi Phương L, sinh ngày 29/6/2019 cho chị Phạm Thị Vũ E1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Tuấn E không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Tuấn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Tuấn E và chị Phạm Thị Vũ E1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Tuấn E có nghĩa vụ nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng anh Tuấn E có đơn xin miễn

án phí do thuộc trường hợp người khuyết tật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên anh Tuấn E được miễn toàn bộ.

Chị Phạm Thị Vũ E1 có nghĩa vụ nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã Trà Côn (xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn), tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 01, ngày 19/10/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Võ Thị Tám